|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  *------------------------------------------*  Số: **2905/**QĐ-HVN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *--------------------------------------------------------------------------*  *Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thưởng tiền cho công chức, viên chức**

# *---------------------------------------------*

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ -TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy định quản lý nguồn thu và quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định số 489/QĐ-HVN ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-HVN ngày 08 tháng 04 năm 2020 về việc ban hành Quy định khen thưởng các công bố quốc tế.

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học và công nghệ

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thưởng tiền cho 1 nhóm tác giả và 61 cá nhân có bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, viết sách được xuất bản bằng tiếng nước ngoài, đấu thầu thành công đề tài các cấp, tiến bộ kỹ thuật/bằng độc quyền sáng chế được công nhận năm 2019-2020, có tên trong danh sách kèm theo

**Điều 2**. Mỗi cá nhân được thưởng theo mức sau:

1. Bài báo quốc tế: theo quyết định số 1153/QĐ-HVN ngày 28 tháng 04 năm 2020

2. Đấu thầu thành công đề tài, dự án:

a) Cấp Quốc gia: 3.000.000 đồng/1đề tài

b) Câp Tỉnh/Bộ và tương đương: 2.000.000 đồng/1 đề tài

4. Tiến bộ kỹ thuật được công nhận cấp Bộ: 5.000.000 đồng/1 tiến bộ kỹ thuật

**Tổng số tiền thưởng là 406,760.000 đồng**

*(Bốn trăm linh sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Khoa học và công nghệ, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận :**  - Như Điều 3;  - Lưu VT, KHCN. | **GIÁM ĐỐC**  *(Đã ký)*  **Nguyễn Thị Lan** |

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐƯỢC THƯỞNG TIỀN**

*Kèm theo Quyết định: 2905 /QĐ-HVN ngày 17 tháng 06 năm 2021*

*của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và Tên** | **Đơn vị** |
| 1 | Nguyễn Thanh Tuấn | Khoa Nông học |
| 2 | Nguyễn Xuân Hòa | Khoa Môi trường |
| 3 | Trần Công Chính | Khoa Môi trường |
| 4 | Phạm Bảo Dương | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 5 | Lại Thị Lan Hương | Khoa Thú Y |
| 6 | Nguyễn Xuân Cảnh | Khoa Công nghệ sinh học |
| 7 | Tăng Thị Hạnh | Khoa Nông học |
| 8 | Ngô Minh Hải | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 9 | Phùng Danh Huân | Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng |
| 10 | Mai Thị Ngân | Khoa Thú Y |
| 11 | Thân Thế Anh | Khoa Nông học |
| 12 | Hà Thị Thanh Mai | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 13 | Lê Văn Phan | Khoa Thú Y |
| 14 | Nguyễn Thị Hoàng Yến | Khoa Thú Y |
| 15 | Đinh Thái Hoàng | Khoa Nông học |
| 16 | Hoàng Hiệp | Khoa Môi trường |
| 17 | Lương Đức Anh | Khoa Môi trường |
| 18 | Bùi Thị Tố Nga | Khoa Thú Y |
| 19 | Nguyễn Thị Lan | Khoa Thú Y |
| 20 | Nguyễn Văn Điệp | Khoa Thú Y |
| 21 | Nguyễn Thị Hoa | Phòng thí nghiệm trọng điểm Thú Y |
| 22 | Đào Lê Anh | Phòng thí nghiệm trọng điểm Thú Y |
| 23 | Trương Quang Lâm | Phòng thí nghiệm trọng điểm Thú Y |
| 24 | Nguyễn Văn Giáp | Khoa Thú Y |
| 25 | Huỳnh Thị Mỹ Lệ | Khoa Thú Y |
| 26 | Nguyễn Thị Dương Nga | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 27 | Phạm Văn Hùng | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 28 | Nguyễn Văn Lộc | Khoa Nông học |
| 29 | Nguyễn Việt Long | Ban Hợp tác quốc tế |
| 30 | Hoàng Hải Hà | Khoa Công nghệ thực phẩm |
| 31 | Lại Thị Ngọc Hà | Khoa Công nghệ thực phẩm |
| 32 | Nguyễn Thanh Hải | Khoa Công nghệ sinh học |
| 33 | Phan Thị Thu Hồng | Khoa Công nghệ thông tin |
| 34 | Bùi Trần Anh Đào | Khoa Thú Y |
| 35 | Đỗ Thị Kim Lành | Khoa Thú Y |
| 36 | Lê Việt Dũng | Khoa Thủy sản |
| 37 | Lê Huỳnh Thanh Phương | Ban Khoa học và công nghệ |
| 38 | Phạm Quang Tuân | Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng |
| 39 | Nguyễn Văn Giáp | Khoa Thú Y |
| 40 | Trịnh Thị Thu Thủy | Khoa Công nghệ sinh học |
| 41 | Vũ Văn Quang | Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng |
| 42 | Nguyễn Thị Thanh Hà | Khoa Thú Y |
| 43 | Ngô Thế Ân | Khoa Môi trường |
| 44 | Trần Thị Thu Hương | Khoa Kế toán và quản trị kinh doanh |
| 45 | Nguyễn Minh Đức | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 46 | Nguyễn Hoàng Anh | Khoa Công nghệ thực phẩm |
| 47 | Nguyễn Thị Thu Phương | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 48 | Lại Thị Lan Hương | Khoa Thú Y |
| 49 | Nguyễn Văn Hà | Viện nghiên cứu và phát triển cây trồng |
| 50 | Trần Văn Quang | Khoa Nông học |
| 51 | Phí Thị Cẩm Miện | Khoa Công nghệ sinh học |
| 52 | Nguyễn Đức Huy | Khoa Nông học |
| 53 | Nguyễn Công Toản | Khoa Thú Y |
| 54 | Nguyễn Đức Trường | Khoa Thú Y |
| 55 | Nguyễn Thị Dương Nga | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 56 | Nguyễn Tuấn Sơn | Khoa Kinh tế và phát triển nông thôn |
| 57 | Đỗ Đức Lực | Khoa Chăn nuôi |
| 58 | Phạm Văn Cường | Khoa Nông học |
| 59 | Nguyễn Thanh Hải | Khoa Cơ điện |
| 60 | Nguyễn Đức Tùng | Khoa Nông học |
| 61 | Võ Hữu Công | Khoa Môi trường |
| 62 | Phạm Văn Cường.Nguyễn Văn Hoan, Nguyễn Thanh Tùng, Tăng Thị Hạnh | Khoa Nông học |
| 63 | Nguyễn Xuân Thiết | Khoa cơ điện |